

Bản án số: 219/2026/DS - ST
Ngày: 10 - 02 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Trần Thanh Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 940/2025/DSST, ngày 30/10/2025 về tranh chấp Hợp đồng dân sự, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5800/2025/QĐXXST-DS, ngày 24/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2026/QĐST-DS, ngày 22/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S (tên cũ: Công ty TNHH S) địa chỉ trụ sở chính: Số 128 đường N, phường B, Thành phố V (nay là phường T.V), tỉnh N. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị H; chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S; địa chỉ liên lạc: Số 27/4 đường, phường B, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 177/2025/UQ-SVN, ngày 01/7/2025).

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng N.T; địa chỉ cư trú: Số 170 Đường số M, Khu phố H, phường A, Thành phố H.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 23/8/2023, ông N.T có đến chi nhánh H 3 của Công ty Cổ phần S (Sau đây viết tắt là Công ty) để cầm cố tài sản, theo hợp đồng cầm cố tài sản số H4M230801003NA22X, ngày 23/8/2023 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng cầm cố tài sản).

Nội dung của hợp đồng như sau:

- Tài sản cầm cố là xe gắn máy, biển số 59X3-800.68, loại xe HONDA WAVE; Số khung: RLHJA3926NY101544; số máy: JA39E2598448; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 043136 do Công an Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2022 mang tên ông N.T; số tiền cầm cố tài sản là 9.900.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 06 tháng; gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 23.

- Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng; Phí mượn xe: 297.000 đồng/tháng

- Mục đích cầm cố: sử dụng mục đích cá nhân.

Do nhu cầu nên cùng ngày 23/8/2023, ông N.T có đơn mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung giấy mượn xe với mức phí mượn xe là 297.000 đồng/tháng. Thời gian mượn xe từ ngày 23/8/2023 đến ngày 23/9/2023.

Ông N.T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết và đã hết thời gian mượn xe nhưng không bàn giao lại tài sản cho Công ty. Hiện nay ông N.T đang giữ tài sản cầm cố và Công ty không biết tài sản cầm cố đang ở đâu. Do vậy, Công ty không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản cầm cố là chiếc xe máy trên. Công ty chỉ đang giữ bản chính Giấy đăng ký xe máy số 043136, do Công an Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2022.

Công ty khởi kiện yêu cầu:

- Buộc ông N.T phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 10/02/2026 là 16.980.882 đồng, trong đó:

- + Tiền gốc: 9.900.000 đồng;

- + Lãi trong hạn tính từ ngày 23/8/2023 đến 23/02/2024: 386.191 đồng;

- + Lãi quá hạn tính từ ngày 24/9/2023 đến 10/02/2026: 4.737.150 đồng;

- + Phí quản lý hồ sơ tính từ ngày 23/8/2023 đến 23/02/2024: 175.541 đồng (Căn cứ vào Điều 5 khoản 1 của Hợp đồng cầm cố đã thỏa thuận tính phí đến ngày kết thúc hợp đồng. Sau ngày 23/02/2024 Công ty không tính phí).

- + Phí mượn xe tính từ ngày 23/8/2023 đến 23/02/2024: 297.000 đồng x 6 tháng = 1.782.000 đồng (Căn cứ giấy mượn xe lập ngày 23/8/2023, tính phí đến ngày kết thúc hợp đồng. Sau ngày 23/02/2024 Công ty không tính phí).

- Căn cứ vào Điều 3.2 của Phụ lục Hợp đồng cầm cố đã thỏa thuận: Trường hợp ông N.T hoàn thành thanh toán số tiền nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty có trách nhiệm trả lại bản chính giấy đăng ký xe số: 043136. Do Công an Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2022 cho ông N.T.

- Trường hợp ông N.T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì căn cứ vào Điều 5 của Phụ lục Hợp đồng cầm cố về xử lý

tài sản cầm cố, Công ty đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ cho Công ty.

- Căn cứ vào Điều 4 khoản 2 của Hợp đồng cầm cố, từ 11/02/2026, ông N.T còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. *Bị đơn - Ông Lê Hoàng N.T:* Từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ông N.T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. *Tại phiên tòa sơ thẩm;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 309, 310, 314 Bộ luật dân sự năm 2015, căn cứ Hợp đồng cầm cố số H4M230801003NA22X, phụ lục hợp đồng cầm cố ký cùng ngày 23/8/2023 và đơn mượn xe của ông N.T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí và các chi phí tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Công ty khởi kiện yêu cầu ông N.T trả nợ từ Hợp đồng cầm cố tài sản. Ông N.T cư trú tại phường A, Thành phố H. Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng;

Công ty - Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông N.T được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Công ty và ông N.T có ký hợp đồng cầm cố tài sản và phụ lục hợp đồng cầm cố vào cùng ngày 23/8/2023. Tài sản cầm cố là xe gắn máy có biển số đăng ký: 59X3-800.68 theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 043136, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông N.T ngày 29/4/2022; số tiền cầm cố tài sản là 9.900.000 đồng. Thời hạn cầm cố: 06 tháng; gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 23. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận: Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng; phí mượn xe: 297.000 đồng/tháng.

Do nhu cầu đi lại nên cùng ngày 23/8/2023, ông N.T có đơn mượn lại chiếc xe (tài sản cầm cố) với mức phí mượn xe là 297.000 đồng/tháng. Thời gian mượn xe từ ngày 23/8/2023 đến ngày 23/9/2023.

Căn cứ vào Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là giao dịch dân sự về cầm cố tài sản.

Công ty xác định tính đến ngày 10/02/2026, hết thời hạn cầm cố tài sản, ông N.T nợ Công ty tổng số tiền là 16.980.882 đồng, gồm:

- + Tiền gốc: 9.900.000 đồng;
- + Lãi trong hạn tính từ ngày 23/8/2023 đến 23/02/2024: 386.191 đồng;
- + Lãi quá hạn tính từ ngày 24/9/2023 đến 10/02/2026: 4.737.150 đồng;
- + Phí quản lý hồ sơ tính từ ngày 23/8/2023 đến 23/02/2024: 175.541 đồng;
- + Phí mượn xe tính từ ngày 23/8/2023 đến 23/02/2024: 297.000 đồng x 6 tháng = 1.782.000 đồng.

Sau khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông N.T không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Ông N.T vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho Công ty. Do đó, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của Công ty buộc ông N.T trả tổng số tiền nợ theo Hợp đồng cầm cố tài sản, phụ lục hợp đồng và đơn mượn xe là 16.980.882 đồng, có cơ sở nên chấp nhận.

Do ông N.T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Công ty yêu cầu ông N.T trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Trường hợp ông N.T trả hết số tiền nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty có trách nhiệm trả lại bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 043136, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông N.T ngày 29/4/2022.

Trường hợp ông N.T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, căn cứ vào Điều 5 của Phụ lục Hợp đồng cầm cố đã thỏa thuận về xử lý tài sản cầm cố, Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ cho Công ty là phù hợp với ý chí của các bên.

Ngoài ra, căn cứ khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng cầm cố, từ 11/02/2026 ông N.T còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến khi trả hết nợ Công ty.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Công ty và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận, Công ty không phải chịu án phí.

- Ông N.T phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của Công ty được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, ông N.T có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 16.980.882 đồng, án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 849.044 đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 147, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 309, 310, 314 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cổ phần S.

- Ông Lê Hoàng N.T có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 10/02/2026 là 16.980.882 đồng theo Hợp đồng cầm cố số H4M230801003NA22X, ngày 23/8/2023 và phụ lục hợp đồng cầm cố ký cùng ngày 23/8/2023.

Thời gian trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nếu ông Lê Hoàng N.T trả hết số tiền nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Hoàng N.T bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 043136, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Hoàng N.T ngày 29/4/2022.

- Trường hợp ông Lê Hoàng N.T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản cầm cố là xe gắn máy có biển số đăng ký: 59X3-800.68 theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 043136, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Hoàng N.T ngày 29/4/2022, để thu hồi khoản nợ cho Công ty cổ phần S.

- Từ 11/02/2026, ông Lê Hoàng N.T còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo Hợp đồng cầm cố số H4M230801003NA22X, ngày 23/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty cổ phần S là 374.963 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0044765, ngày 29/10/2024 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Hoàng N.T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 849.044 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S và ông Lê Hoàng N.T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KVA-TPHCM;
- Phòng THADS KVA-TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hạnh